

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung
trong lĩnh vực thể dục thể thao thuộc thẩm quyền giải quyết
của Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch, trên địa bàn tỉnh**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 945 /QĐ-BVHTTDL ngày 09/4/2024 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Di sản văn hoá thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch tại Tờ trình số 61/TTr-SVHTTDL ngày 12/4/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính (TTHC) sửa đổi, bổ sung, trong lĩnh vực Di sản văn hoá thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, chi tiết tại Danh mục kèm theo.

Điều 2. Giao Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch căn cứ Danh mục TTHC được công bố tại Điều 1 Quyết định này có trách nhiệm:

1. Cung cấp đúng, đầy đủ nội dung, quy trình giải quyết TTHC để Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh niêm yết, công khai thực hiện.

2. Rà soát quy trình nội bộ giải quyết TTHC đã được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt để tham mưu quy trình mới, sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đảm bảo theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Các TTHC hoặc các bộ phận tạo thành TTHC được công bố tại Quyết định này có hiệu lực từ ngày văn bản quy phạm pháp luật có quy định về TTHC hoặc bộ phận tạo thành TTHC có hiệu lực thi hành.

Danh mục TTHC trong lĩnh vực Di sản văn hóa cấp tỉnh có số thứ tự từ 2, 3, 4, 6, 9, 10, 11, 13, 14 tại Phụ lục I kèm theo Quyết định số 755/QĐ-UBND ngày 21/4/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố Danh mục TTHC chuẩn hóa lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hoá - Thể thao và Du lịch, UBND cấp huyện, UBND cấp xã được thay thế tại Quyết định này.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Văn hóa - Thể thao và Du lịch, Thông tin và Truyền thông, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Cục Kiểm soát TTHC - VPCP (B/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- UBND các xã, phường, thị trấn,
(do UBND cấp huyện gửi);
- Các Phòng, TT: TH, KGVX,
PVHHC, CN&CTTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, KSTTHC (Tg 3).



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tuấn Hà

DANH MỤC
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH (TTHC) SỬA ĐỔI, BỔ SUNG LĨNH VỰC DI SẢN VĂN HOÁ THUỘC THẨM QUYỀN
GIẢI QUYẾT CỦA SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH TỈNH ĐẮK LẮK
(Kèm theo Quyết định số: _____/QĐ-UBND ngày _____/4/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cung ứng dịch vụ công trực tuyến	Tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ BCCI STT	
							Tiếp nhận	Trả kết quả
A	Lĩnh vực Văn hóa							
I	Di sản văn hóa							
1	Cấp phép cho người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài tiến hành nghiên cứu sưu tầm di sản văn hóa phi vật thể tại địa phương	10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	- Luật Di sản văn hóa số 28/2001/QH10 ngày 29/6/2001; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa số 32/2009/QH12 ngày 18/6/2009; - Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21/9/2010 của Chính phủ; - Nghị định số 01/2012/NĐ-CP ngày 04/01/2012 của Chính phủ; - Nghị định số 31/2024/NĐ-CP ngày 15/3/2024 Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 01/2012/NĐ-CP, Nghị định số 61/2016/NĐ-CP và Nghị định số 36/2019/NĐ-CP.	Toàn trình	x	x

2	Xác nhận đủ điều kiện được cấp Giấy phép hoạt động bảo tàng ngoài công lập	15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	không	- Luật Di sản văn hóa số 28/2001/QH10 ngày 29/6/2001; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa số 32/2009/QH12 ngày 18/6/2009; - Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21/9/2010 của Chính phủ; - Nghị định số 01/2012/NĐ-CP ngày 04/01/2012 của Chính phủ; - Nghị định số 31/2024/NĐ-CP ngày 15/3/2024 Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 01/2012/NĐ-CP, Nghị định số 61/2016/NĐ-CP và.....Nghị định số 36/2019/NĐ-CP.	Toàn trình	x	x
3	Cấp Giấy phép hoạt động bảo tàng ngoài công lập	30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ		không		Toàn trình	x	x

4	Cấp chứng chỉ hành nghề mua bán di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia	30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	không	- Luật Di sản văn hóa số 28/2001/QH10 ngày 29/6/2001; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa số 32/2009/QH12 ngày 18/6/2009; - Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21/9/2010 của Chính phủ; - Nghị định số 01/2012/NĐ-CP ngày 04/01/2012 của Chính phủ; - Nghị định số 142/2018/NĐ-CP ngày 09/10/2018 của Chính phủ sửa đổi một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; - Nghị định số 31/2024/NĐ-CP ngày 15/3/2024 Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 01/2012/NĐ-CP, Nghị định số 61/2016/NĐ-CP và Nghị định số 36/2019/NĐ-CP.	Toàn trình	x	x
---	--	--	--	-------	---	------------	---	---

5	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật	15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	không	- Luật Di sản văn hóa ngày 29/6/2001; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa ngày 18/6/2009; - Nghị định số 61/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ; - Nghị định số 142/2018/NĐ-CP ngày 09/10/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 31/2024/NĐ-CP ngày 15/3/2024 Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 01/2012/NĐ-CP, Nghị định số 61/2016/NĐ-CP và Nghị định số 36/2019/NĐ-CP.	Toàn trình	x	x
6	Cấp chứng chỉ hành nghề tu bổ di tích	05 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	không	- Luật Di sản văn hóa ngày 29/6/2001; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa ngày 18/6/2009; - Nghị định số 98/2010/ NĐ-CP ngày 21/9/2010 của Chính phủ; - Nghị định số 61/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ; - Nghị định số 31/2024/NĐ-CP ngày 15/3/2024 Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 01/2012/NĐ-CP, Nghị định số 61/2016/NĐ-CP và Nghị định số 36/2019/NĐ-CP.	Toàn trình	x	x

7	Cấp lại chứng chỉ hành nghề tu bổ di tích	05 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	không	- Luật Di sản văn hóa ngày 29/6/2001; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa ngày 18/6/2009; - Nghị định số 98/2010/ NĐ-CP ngày 21/9/2010 của Chính phủ; - Nghị định số 61/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ; - Nghị định số 31/2024/NĐ-CP ngày 15/3/2024 Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 01/2012/NĐ-CP và Nghị định số 61/2016/NĐ-CP và Nghị định số 36/2019/NĐ-CP.	Toàn trình	X	X
8	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề tu bổ di tích	10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	- Luật Di sản văn hóa ngày 29/6/2001; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa ngày 18/6/2009; - Nghị định số 98/2010/ NĐ-CP ngày 21/9/2010 của Chính phủ; - Nghị định số 61/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ;	Toàn trình	X	X
9	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề tu bổ di tích	05 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ		không	- Nghị định số 142/2018/NĐ-CP ngày 09/10/ 2018 của Chính phủ; - Nghị định số 31/2024/NĐ-CP ngày 15/3/2024 Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 01/2012/NĐ-CP, Nghị định số 61/2016/NĐ-CP và.....Nghị định số 36/2019/NĐ-CP.	Toàn trình	X	X